TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23-01- 2019
" V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ''.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Ngạn và ông Hoàng Hồng Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Tống Thị Ngọc Ánh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con '' theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị Hồng L, sinh năm 1994, (có mặt).

ĐKHKTT: thôn LX, xã CP, huyện CG, tỉnh HD.

Nơi cư trú: thôn BK, xã YT, huyện PL, tỉnh TN.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Trọng T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

ĐKHKTT và cư trú: thôn LX, xã CP, huyện CG, tỉnh HD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17-12-2018 và bản tự khai,biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Hoàng Thị Hồng L trình bày: Chị và anh Bùi Trọng T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/5/2014, sau đó được gia đình tổ chức đám cưới tại địa phương. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kể từ cuối

năm 2015, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, anh T là người chồng không có chính kiến, thường hay nghe một phía rồi áp đặt lên chị, không biết đứng ra bênh vực lẽ phải. Đến đầu năm 2016 chị L đi lao động ở Nhật bản mong muốn cải thiện kinh tế cho gia đình bớt khó khăn, trong thời gian này anh T ở nhà không động viên chị làm ăn mà thường xuyên kiếm cớ gây sự, cho rằng chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, có những câu nói xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị, mặc dù chị giải thích nhiều lần nhưng anh bỏ ngoài tai tất cả, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng dần có khoảng cách, không có sự quan tâm đến nhau. Kể từ tháng 11/2018 chị L hết hợp đồng lao động về chung sống cùng anh T nhưng vợ chồng không có sự hòa hợp, mọi người trong gia đình luôn cô lập, đối xử lạnh nhạt, thường xuyên nhắc đi nhắc lại những chuyện không có thật để xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của chị. Khi chị xin phép về thăm bố mẹ đẻ ở trên quê thì anh T và gia đình không đồng ý, khóa cửa lại không cho chị ra khỏi nhà. Sống chung với người chồng không biết đứng ra bênh vực, bảo vệ lẽ phải, gia đình không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm lẫn nhau nên bản thân chị thấy ngày càng mệt mỏi và áp lực về tâm lý; chị L đã quyết định chuyển về Thái Nguyên sống ly thân với anh T từ giữa tháng 11/2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh T thường xuyên nhắn tin, gọi điện thoại đe dọa chị, còn đến gia đình bố mẹ đẻ chị gây sự, chửi bới xúc phạm mọi người trong gia đình, vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Bùi Trọng C, sinh ngày 09/3/2015, hiện nay con chung còn nhỏ đang ở cùng với anh T. Nếu ly hôn chị L nhất trí để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi thành niên; chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T số tiền là 1.000.000đồng/1 tháng, cấp dưỡng theo tháng kể từ tháng 01/2019 đến khi con thành niên. Hiện nay chị L là lao động tự do tại địa phương, thu nhập hàng tháng khoảng 4.000.000đồng/tháng, chưa có chỗ ở và việc làm ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/12/2018, bị đơn anh Bùi Trọng T trình bày: Anh công nhận về điều kiện và thời gian kết hôn theo như chị L trình bày trên là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian chị L đi lao động ở nước ngoài vợ chồng không tin tưởng nhau về chuyện tình cảm dẫn đến xảy ra va chạm, cãi nhau; vợ chồng ít liên lạc, quan tâm đến nhau. Đến đầu tháng 11 /2018 chị L hết hợp đồng lao động về nước chung sống cùng anh nhưng vợ chồng không đem lại sự hòa thuận về mặt tình cảm. Chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở Thái Nguyên sống ly thân với anh từ giữa tháng 11/2018 đến nay, trong thời gian ly thân anh có đến tìm đón chị về đoàn tụ nhưng chị không về cùng anh, vợ chồng cũng không hàn gắn được tình cảm.

. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Bùi Trọng C, sinh ngày 09-03-2015. Nếu ly hôn anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi thành niên và yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng số tiền là 5.000.000đồng/tháng, cấp dưỡng theo tháng kể từ tháng 01/2019 đến khi con thành niên. Anh T hiện đang làm công nhân tại địa phương, thu nhập hàng tháng khoảng 4.000.000đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, lại ở gần bố mẹ đẻ giúp đỡ việc chăm sóc con nhỏ.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh T không yêu cầuTòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Bùi Trọng Khải (bố đẻ anh T) trình bày: Chị L và anh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Phúc. Anh T và chị L trong cuộc sống chung có mâu thuẫn về chuyện tình cảm, vợ chồng sống ly thân. Đề nghị Tòa án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ, nếu không được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông C, bà H (là bố mẹ đẻ của chị L) trình bày: Anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2014. Trong cuộc sống chung vợ chồng anh T, chị L có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T là người sống không có chính kiến, nhu nhược chỉ biết nghe một phía; nhiều lần xảy ra chuyện ghen tuông vô cớ làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Nay chị L làm đơn xin ly hôn ông đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải, nếu không được căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Qua xác minh tại UBND xã Cẩm Phúc và khu dân cư nơi anh T sinh sống cung cấp: Anh T và chị L kết hôn hợp pháp.Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T, nhất trí để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T hàng tháng số tiền là 1.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 01/2019 đến khi con thành niên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ "phải có mặt theo giáy triệu tập của Tòa án" theo quy định tại khoản 16 Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Hoàng Thị Hồng L ly hôn anh Bùi Trọng T; Về con chung: Giao cháu Bùi Trọng C, sinh ngày 09/3/2015 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng nuôi con cho anh T 1.000.000đồng/tháng. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị Hồng L và anh Bùi Trọng T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm, chia sẻ cho nhau trong cuộc sống dẫn đến thường xảy ra va chạm, nguyên nhân cũng là do anh T thường nghi ngờ chị trong quan hệ tình cảm, thường xúc phạm đến danh dự của chị làm cho đời sống chung không tìm được tiếng nói và hạnh phúc. Vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Anh T không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh không đưa ra giải pháp nào để cải thiện tình trạng vợ chồng. Sau khi tiến hành hòa giải lần thứ nhất, theo nguyện vọng của bị đơn, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải lần hai, nhưng anh T không tham gia. Điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên việc hòa giải không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của hai bên gia đình đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nhiều lần xảy ra va chạm, to tiếng mà không thể hàn gắn được tình cảm, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L ly hôn anh T là phù hợp.

- *Về quan hệ con chung*: Chị L và anh T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Bùi Trọng C, sinh ngày 09/3/2015. Hiện nay con chung đang ở cùng với anh T, anh T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, chị L nhất trí; xét sự thỏa thuận trên của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Về phần cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn, chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đồng/tháng, anh T yêu cầu chị cấp dưỡng 5.000.000đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm này chị là lao động tự do tại xã Yên Trạch, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/tháng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì

cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do vậy yêu cầu cấp dưỡng của anh T có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận; tuy nhiên mức cấp dưỡng anh yêu cầu là cao so với thu nhập của chị L nên Hội đồng chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cùng anh T là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 01/2019 đến khi thành niên. Xét thấy để đảm bảo tính ổn định và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, tránh xáo trộn nên giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng số tiền 1.000.000đồng là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Các đương sự trình bày không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Hoàng Thị Hồng L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Hồng L được ly hôn anh Bùi Trọng T.

Về quan hệ con chung: Giao cho anh Bùi Trọng T tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Bùi Trọng C, sinh ngày 09/3/2015 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T số tiền là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 01/2019 cho đến khi con chung Bùi Trọng C đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng

với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Hồng L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0002350 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Hoàng Thị Hồng L còn phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thiện Phán

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng.

Nguyễn Thiện Phán

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thiện Phán